TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Nông

Ông Bùi Thế Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số 322, đường số 1, Đ, quận L, thành phố Đ, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Thế H, sinh năm 1991 - Công ty Luật TNHH H; địa chỉ văn phòng: Số 38, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Lê Tuấn D, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị Q (đã có đơn xin vắng mặt), anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tuấn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của hai người không

hợp nhau. Hai bên thường xuyên cãi vã, xung đột nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ đó quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống và không thể ở chung với nhau. Hiện nay, chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết để chị được ly hôn với anh Lê Tuấn D.

2. Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Tuấn M, sinh ngày 28/02/2012. Nay ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Tuấn D: Sau khi thụ lý vụ án, do anh D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, người thân sống cùng nơi cư trú từ chối nhận thay văn bản, nên Tòa án phải niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án. Anh D không đến Tòa án, nên không có văn bản nêu ý kiến của mình.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình bố mẹ đẻ anh D là ông Lê Tuấn H và bà Trần Thị P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2023, ông Lê Tuấn H trình bày: Anh D ở cùng với gia đình ông, hiện đang làm công nhân của Công ty giày da V ở xã H1, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, sáng đi, tối về. Việc chị Q khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn với anh D thì anh D có biết, vì có lần anh D được Tòa án gửi thông báo cho anh D qua đường bưu điện. Về việc ly hôn của anh D và chị Q ông không có ý kiến gì. Về con chung của anh chị, thì cháu Lê Tuấn M sống với bố và ông bà nội từ nhỏ, trường hợp chị Q đang ở nước ngoài thì gia đình có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, gia đình không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ chung của anh chị, ông không có ý kiến gì.

Do chị Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh D. Về con chung: giao cháu Lê Tuấn M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí: chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Q là nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, còn bị đơn là anh Lê Tuấn D đang cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Mặc dù anh D có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, nhưng anh D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, người thân sống cùng nơi cư trú từ chối nhận thay văn bản, nên Tòa án phải tiến hành niêm yết công khai các văn bản thủ tục tố tụng tại UBND xã H, huyện Hà Trung và nơi cư trú của anh D theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q đã có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Tuấn D đã được Tòa án niêm yết công khai văn bản tố tụng tại UBND xã nơi cư trú và tại nơi cư trú của bị đơn đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Tuấn D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Tuấn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Trong lời khai cũng như các tài liệu có liên quan trong vụ án, chị Q trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau, hai bên thường xuyên cãi vã, xung đột nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ đó cuộc sống vợ chồng ngày một trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn lại được nữa. Xét thấy, hiện nay chị Q đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, còn anh D mặc dù có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng thường đi làm việc cả ngày, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cũng như không có quan điểm gì về yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Do đó, HĐXX căn cứ vào yêu cầu của chị Q, chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Tuấn M, sinh ngày 28/02/2012. Ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh D không có văn bản thể hiện quan điểm gì. Xét thấy, hiện nay chị Q đang ở nước ngoài, không có điều kiện để nuôi dưỡng con, nguyện vọng của cháu M là được ở với bố, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu Lê Tuấn M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh D không có ý kiến gì nên HĐXX không buộc chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này anh D có yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Anh D không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh D có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Lê Tuấn D.

- Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn M sinh ngày 28/02/2012 cho anh Lê Tuấn D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D. Chị Q có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do chị Nguyễn Thị H nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000382 ngày 14/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chi Q đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Nông **Bùi Thế Huệ** **Mai Nam Tiến**